

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia
phiên tòa:*** Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm: 1997

Địa chỉ thường trú: Tổ 02, ấp P 2, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Số 372B, tổ 09, khóm A, phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy N, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Tổ 02, ấp P 2, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Trần Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy N qua quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục vào tháng 11/2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 10/10/2017. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại gia đình anh N. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh Nhật đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Chị nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh N không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Giữa chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật Q, sinh ngày 23/3/2018, từ khi ly thân đến nay cháu Q sống chung với chị tại phường N, thành phố L. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nhật Q, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện chị đang làm việc tại Công ty TNHH MTV L thu nhập mỗi tháng hơn 6.000.000 đồng, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi cháu Nhật Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bảng tự khai ngày 09 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Nguyễn Duy N trình bày:

Anh và chị T cưới nhau vào tháng 11/2015, hôn nhân do quen biết. Sau đó được sự đồng ý của gia đình anh và chị T tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố L. Trong thời gian sống chung anh và chị T sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, chị T đi làm Công ty từ thứ 2 đến thứ 7, có khi tăng ca đến 20 giờ đêm mới về, việc chăm sóc con do anh và mẹ ruột anh trực tiếp chăm sóc. Anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật Q, sinh ngày 23/3/2018. Hiện tại anh đã xin được việc làm và có thu nhập ổn định để nuôi bản thân và nuôi con nên anh yêu cầu được nuôi cháu Nhật Q, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ anh có cho vợ chồng anh 01 lượng vàng 24K, hiện số vàng trên chị T đang cất giữ, 01 chiếc xe Vision và 01 vòng đeo tay 03 chỉ vàng 18K do chị T đang đeo. Anh yêu cầu chia đôi số vàng cưới mỗi người 05 chỉ vàng 24K, đối với chiếc xe Vision anh yêu cầu chia đôi giá trị, anh đồng ý để chị T được giữ lại chiếc xe và có trách nhiệm trả lại cho anh $\frac{1}{2}$ giá trị, đối với chiếc vòng đeo tay yêu cầu chia đôi mỗi người 1,5 chỉ vàng 18K.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Trần Thị Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy N; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trần Nhật Q, yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Duy N vẫn giữ nguyên một phần yêu cầu, về hôn nhân đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thùy T; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Trần Nhật Q, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con; rút yêu cầu đối với việc yêu cầu chia tài sản chung, về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Duy N qua quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 48 ngày 10/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo lời trình bày của chị T thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Anh N cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay.

Như vậy, chị T và anh N đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, chị T và anh N thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N.

[2] Về con chung: Giữa chị T và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Nhật Q, sinh ngày 23/3/2018. Từ khi chị T và anh N ly thân đến nay cháu Nhật Q sống chung với chị T tại phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. Cháu Nhật Q hiện nay mới hơn 3 tuổi, đang sống chung ổn định với chị T, chị T cũng đang có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo để nuôi con. Phía anh N chỉ mới ký Hợp đồng lao động có thời hạn 06 tháng nên công việc chưa ổn định, cháu Nhật Q vẫn còn nhỏ nên giao cho mẹ chăm sóc sẽ thuận tiện hơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nhật Q cho chị T được trực tiếp nuôi. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nhật Q mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Trang yêu cầu anh Nhật cấp dưỡng cho cháu Nhật Quang theo quy định của pháp luật, anh Nhật hiện có công việc chưa ổn định nên buộc anh Nhật có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nhật Quang mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nhật Quang đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, anh N rút yêu cầu đối với việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 lượng vàng 24K, 01 chiếc xe Vision và 03 chỉ vàng 18K nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối

với yêu cầu này của anh N. Chị T không yêu cầu chia tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Dành cho chị T và anh N một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Buộc anh N phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 53, 55, 56, 58, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy T.

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Nguyễn Duy N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Duy N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Nhật Q, sinh ngày 23/3/2018 cho chị Trần Thị Thùy T được trực tiếp nuôi. Anh Nguyễn Duy N có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Trần Nhật Q mà không ai được cản trở.

Buộc anh Nguyễn Duy N cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Trần Nhật Q mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Nhật Q đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Nguyễn Duy N về việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 lượng vàng 24K, 01 chiếc xe Vision và 03 chỉ vàng 18K. Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Duy N được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung khi có yêu cầu

4. Về nợ chung:

Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Duy N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Duy N được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia nợ chung khi có yêu cầu.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012254 ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị T đã nộp xong.

Buộc anh Nguyễn Duy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.021.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0012281 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, anh N được nhận lại 1.721.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Ủy ban nhân dân phường Tân Ngãi: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy